

Số: /GCNĐKCN-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN**

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 23/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ khoa học công nghệ, Môi trường và Vật liệu xây dựng, Bộ Xây dựng chứng nhận:

1. VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ: Số 235 Đường Nguyễn Trãi, Phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.858.1111 Fax: E-mail: vienvlxd@vibm.vn

Đã đăng ký hoạt động chứng nhận đối với ngành xây dựng trong lĩnh vực chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tại Phụ lục kèm theo.

2. Số đăng ký: 02/2025/CN/BXD.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Viện Vật liệu xây dựng;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (để b/c);
- Bộ trưởng Bộ Xây dựng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh (để b/c);
- Sở Xây dựng các tỉnh, Tp trực thuộc TW;
- TT. Công nghệ Thông tin (website);
- Lưu: VT, VKHCNMTVLXD.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

Lê Trung Thành

PHỤ LỤC
LĨNH VỰC CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM
PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN/QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
(Kèm theo Giấy chứng nhận số /CNĐKCN-BXD ngày / /2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Lĩnh vực chứng nhận sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật/ Quy chuẩn kỹ thuật (*)
1	Phụ gia cho xi măng và bê tông, xi măng, hỗn hợp bê tông <i>(Xi măng xỉ lò cao hoạt hóa sulfate; Xi măng đông rắn nhanh; Bột nhôm dùng để sản xuất bê tông khí; Phụ gia cuốn khí cho bê tông; Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép; Tấm 3D dùng trong xây dựng)</i>	TCVN 13947; TCVN 9079; TCVN 11968; TCVN 12300; TCVN 12394; TCVN 5724; TCVN 7575-1
2	Vữa xây dựng <i>(Vật liệu làm phẳng sàn; Vữa bện hoá gốc polyme; Hệ chất kết dính gốc nhựa epoxy cho bê tông)</i>	TCVN 13978; TCVN 7951; TCVN 13558; TCVN 13561
3	Vật liệu ốp lát <i>(Viên đá tự nhiên)</i>	TCVN 14157; TCVN 14158; TCVN 13945; TCVN 6074
4	Vật liệu trang trí và hoàn thiện <i>(Gỗ xộp composite - Vật liệu chèn khe giãn; Ván sợi; Sơn phản xạ ánh sáng mặt trời dùng cho mái nhà)</i>	TCVN 12761; ISO 3869; KS F 3200; TCVN 13527
5	Các sản phẩm ống cấp thoát nước <i>(Ống và phụ tùng đường ống CPVC dùng trong hệ thống sprinkler tự động)</i>	TCVN 12653-1
6	Các sản phẩm vật liệu xây dựng cho ngành giao thông <i>(Nhựa đường Polyme; Nhũ tương nhựa đường; Lớp phủ mặt đường; Bê tông nhựa; Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng; Vật liệu chèn khe định hình dùng cho mặt đường bê tông xi măng)</i>	TCVN 11193; TCVN 14270; TCVN 8816; TCVN 13150-1; TCVN 12316; TCVN 12759-1; TCVN 13567-2; TCVN 13567-3; TCVN 13567-5; TCVN 13048; TCVN 12419; ISO 4635

TT	Lĩnh vực chứng nhận sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật/ Quy chuẩn kỹ thuật (*)
7	Các sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng khác <i>(Hỗn hợp thạch cao phospho; Xi luyện thép; Xi luyện gang lò cao; Xi hạt phốt pho lò điện; Tuy nen kỹ thuật; Tro bay làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng; Gạch chịu axit; Vôi canxi cho xây dựng; Tấm lợp bitum dạng sóng; Vật liệu chống thấm - Tấm CPE)</i>	TCVN 14326; TCVN 14325; TCVN 12464; TCVN 12465; TCVN 13907; TCVN 13957; TCVN 14136; TCVN 13949; TCVN 2231; TCVN 8052-1; TCVN 9408

Ghi chú :

(*): Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật/quy chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn kỹ thuật /quy chuẩn kỹ thuật cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật /quy chuẩn kỹ thuật mới tương ứng.
